

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ B
TỈNH HOÀ B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/LHST
Ngày: 20/01/2020.
V/v Ly hôn;

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ B

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Ngà.
Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga, ông Phạm Quốc Trung.
Ghi biên bản phiên tòa: bà Bùi Thái B – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án thành phố ngày 20/01/2020, xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2019, giữa các đương sự sau:

1/ Nguyên đơn: A Trịnh Quốc T, sinh năm 1976;

ĐKNKTT: xóm 4, xã SN, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B: có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978;

ĐKNKTT: xóm 4, xã SN, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B: có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Hồng Quân, sinh năm 1940 và vợ là bà Đinh Thị Thiết, sinh năm 1945; Địa chỉ: xóm 4, xã SN, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B: vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn Trịnh Quốc T cho rằng:

*Về quan hệ hôn nhân: A T và chị B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân kéo dài, tình cảm không còn, nên xin được ly hôn.

*Về con chung: A T cho rằng vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Thị Quỳnh A, Trịnh Thị Mai A (Cùng sinh ngày 21/10/2003) và Trịnh T A, sinh ngày

06/02/2018. A T đề nghị giải quyết theo quy định chung của pháp luật, trên cơ sở tôn trọng đề nghị của các con.

*Về tài sản chung: A T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2} Quá trình cung cấp chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị B đồng ý ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật, tôn trọng sự tự nguyện cấp dưỡng của A T. Về tài sản chung chị B chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

{3} Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến như sau:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn; chưa yêu cầu chia tài sản chung; đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trịnh Thị Quỳnh A, Trịnh Thị Mai A, Trịnh T A mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

- Bị đơn đồng ý ly hôn; chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung; xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật, tôn trọng sự tự nguyện cấp dưỡng của A T

- Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng ông Trịnh Hồng Quân và bà Đinh Thị Thiết đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, nên áp dụng điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng các đương sự này. Về nội dung đề nghị Tòa chấp nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự tại phiên tòa, xử cho A T và chị B ly hôn; chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cả ba con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, buộc A T cấp dưỡng cho mỗi con theo mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; đương sự chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Trịnh Hồng Quân, Đinh Thị Thiết) đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, nên căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

1. Về quan hệ hôn nhân: A Trịnh Quốc T, chị Nguyễn Thị B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc; đã ly thân kéo dài; cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay các đương sự thuận tình ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên được chấp nhận.

2. Về con chung: các đương sự có 03 con chung là Trịnh Thị Quỳnh A, Trịnh Thị Mai A (Cùng sinh ngày 21/10/2003) và Trịnh T A, sinh ngày 06/02/2018. Tại phiên tòa chị B xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật, tôn trọng sự tự nguyện cấp dưỡng của A T. Bản thân A Trịnh Quốc T cũng đồng ý giao cả ba con cho chị B trực

tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện xin cấp dưỡng nuôi mỗi con theo mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Quan điểm của các đương sự phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

3. Về tài sản: đương sự chưa yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Bởi vậy;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho A Trịnh Quốc T và chị Nguyễn Thị B được ly hôn.

2. Về con: giao cả 03 con là Trịnh Thị Quỳnh A, Trịnh Thị Mai A (Cùng sinh ngày 21/10/2003) và Trịnh T A, sinh ngày 06/02/2018 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. A Trịnh Quốc T phải cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị B nuôi con như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thị Quỳnh A theo mức 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi;

- Cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thị Mai A theo mức 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mai A đủ 18 tuổi;

- Cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh T A theo mức 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T A đủ 18 tuổi;

*A Trịnh Quốc T được quyền đi lại, thăm nom các con theo quy định của pháp luật.

3. A Trịnh Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp Tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa B, theo biên lai thu tiền số 0002008 ngày 27/6/2019, nay phải nộp thêm 300.000 đồng còn thiếu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận kết quả xét xử.

án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa B;
- VKSND thành phố Hòa B;
- Chi cục THADS thành phố Hòa B;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND phường, xã nơi thực hiện
Việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS + VT + LT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Chủ Tọa phiên tòa